



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG THỬ NGHIỆM PHÚC GIA
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH PHÚC GIA



PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

BẾP ĐIỆN TỬ/ INDUCTION STOVE

THÔNG TIN VỀ MẪU THỬ NGHIỆM/ SAMPLE INFORMATION

1. Mẫu thử nghiệm/ Equipment Under Test (EUT):	Thương hiệu/ Brand:	Miele
	Kiểu/ Model:	KM 8585 FL
	Xuất xứ/ Origin:	Đức/ Germany
	Số đăng ký chứng nhận/ Certification registration number:	PGC-QC09-E026-260714
2. Số lượng mẫu/ Quantity (Cái/ Unit):		01
3. Khách hàng/ Customer:		Công ty TNHH Eurocook Global

THÔNG TIN THỬ NGHIỆM/ TEST INFORMATION

4. Ngày nhận mẫu/ Date received:	03/08/2026	5. Thời gian thử nghiệm/ Test duration:	03/08/2026 - 05/08/2026
6. Quy chuẩn áp dụng/ Regulation applied:	QCVN 9:2012/BKHCN và sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN		
7. Kết quả thử nghiệm/ Test result:	Trang/ Page: 7/14 ÷ 14/14	8. Kết luận/ Conclusion:	Đạt/ Pass

QUẢN LÝ THỬ NGHIỆM
Testing Manager

Nguyễn Tiến Thành

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Quality Manager

Mai Chí Chung

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Deputy Director General



Lê Mạnh Tiến

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ Throughout this report, a point is used as the decimal separator. N/A: Không áp dụng.
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. Not applicable

Trang/ Page: 1/ 14

Head Office: Số 18, Ngõ 11 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Phone: 0981 996 996/ 0982 996 696/ 024 7779 6696

Lab Center: Số 1, Huỳnh Tấn Phát, Long Biên, Hà Nội
Cert Center: Số 1, Huỳnh Tấn Phát, Long Biên, Hà Nội

E-mail: lab@phucgia.com.vn
Website: https://phucgia.com.vn

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO/
GENERAL INFORMATION ABOUT THE REPORT

1. Phương thức lấy mẫu/ Sampling method:	Mẫu thử do khách hàng cung cấp/ <i>Samples are sent by the customers.</i>
2. Đặc điểm kỹ thuật kiểm tra/ Test specification:	
- Tên phép thử/ <i>Test name:</i>	Tương thích Điện từ/ <i>Electromagnetic Compatibility (EMC)</i>
- Quy chuẩn áp dụng/ <i>Applicable regulations:</i>	QCVN 9:2012/BKHCN và sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
- Phương pháp thử/ <i>Test method:</i>	TCVN 7492-1:2018 (CISPR 14-1:2016); Yêu cầu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/ <i>Testing requirements provided by customers.</i>
- Phương pháp thử nghiệm phi tiêu chuẩn/ <i>Non-standard test method:</i>	☒ N/A ☐ Yêu cầu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/ <i>Testing requirements provided by the customers.</i>
3. Tuyên bố từ chối trách nhiệm chung/ General disclaimer:	- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm/ <i>The test results presented in this report relate only to the object tested;</i> - Tên mẫu, thương hiệu, ký hiệu/ kiểu loại, số sê-ri, xuất xứ, các dấu phù hợp và các thông tin khác của mẫu thử do khách hàng công bố/ cung cấp và chịu trách nhiệm/ <i>Sample name, brand, model, serial number, origin, conformity marks, and other information of the test sample are declared/ provided by the customer and are under their responsibility.</i> - Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của bên gửi mẫu/ <i>The customer's name is written as requested by submitter.</i> - Công ty Cổ phần Phòng thử nghiệm Phúc Gia (PGL) không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ <i>Phuc Gia Laboratory Corporation (PGL) is disclaimer when the information is supplied by the customers may affect the validity of results;</i> - Không được sao chép một phần báo cáo thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của PGL/ <i>This test report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of PGL;</i> - Tính xác thực của báo cáo thử nghiệm này và nội dung của nó có thể được xác minh bằng cách liên hệ với PGL, đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo thử nghiệm này/ <i>The authenticity of this Test Report and its contents can be verified by contacting PGL, who is responsible for this Test Report.</i>
4. Thông báo và Cam kết/ Notice and Commitment:	Mẫu đạt ở thử nghiệm lần 2 (sau khi khắc phục), kèm theo công văn cam kết số 26080301/EUROCOOK-HC của khách hàng/ <i>The EUT passed the second test (after correction), accompanied customer's commitment letter No. 26080301/EUROCOOK-HC.</i>

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

N/A: Không áp dụng.

Not applicable

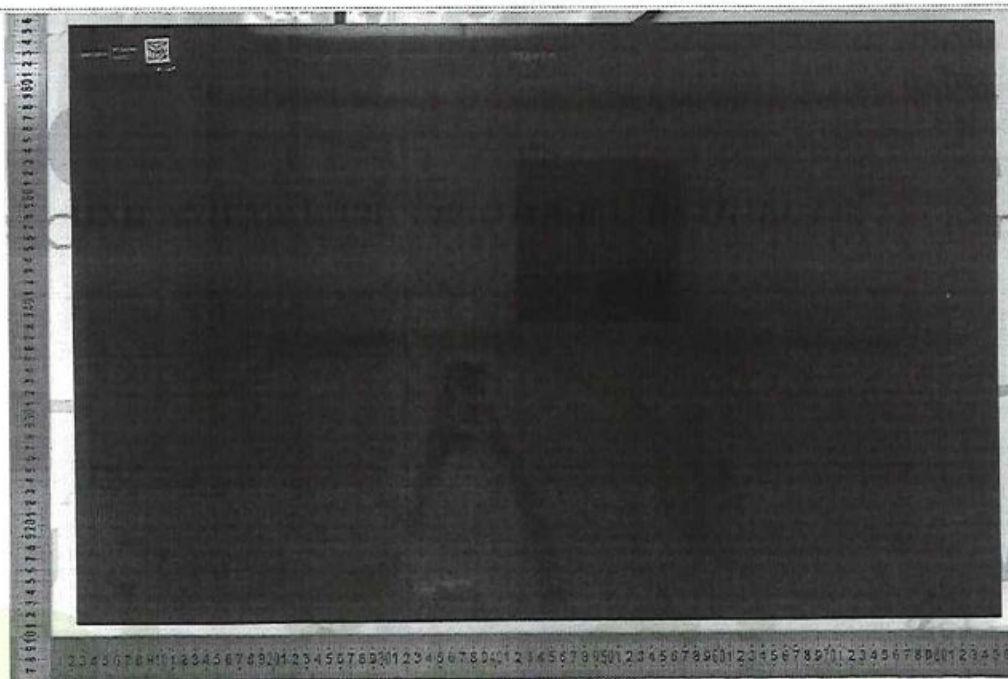
Trang/ Page: 2/ 14

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

HÌNH ẢNH MẪU THỬ/ PHOTOGRAPHS OF EUT



Mẫu thử nghiệm/ Equipment under test

Miele Miele & Cie KG Carl-Miele-Straße 29 33332 Gütersloh Germany Made in Germany	Induction hob Mod: KM 8585 FL Type: IC08-01W SN 00/000206037428	M.No: 12911480	AC 220V 50-60Hz	10560W	   
			AC 230V 50-60Hz	11040W	
			AC 240V 50-60Hz	11520W	

Tem kỹ thuật/ Name plate

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ Throughout this report, a point is used as the decimal separator.
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

Trang/ Page: 3/ 14

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TÓM TẮT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ SUMMARY OF TEST RESULT

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT	NHẬN XÉT/ VERDICT
1	Điều 4.3.2: Giới hạn điện áp nhiễu tại đầu nối điện lưới/ <i>Clause 4.3.2: Limit for conducted disturbance at mains terminals.</i>	Không phát hiện nhiễu vượt quá giới hạn cho phép/ <i>No non-compliance noted.</i> Xem trang/ <i>See page: 7 - 8</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
2	Điều 4.3.2: Giới hạn nhiễu bức xạ (9 kHz - 30 MHz)/ <i>Clause 4.3.2: Limit for radiated disturbance (9 kHz - 30 MHz).</i>	Không phát hiện nhiễu vượt quá giới hạn cho phép/ <i>No non-compliance noted.</i> Xem trang/ <i>See page: 9 - 11</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
3	Điều 4.3.4: Giới hạn công suất nhiễu (30 – 300 MHz)/ <i>Clause 4.3.4: Limit for disturbance Power (30 - 300 MHz).</i>	Không phát hiện nhiễu vượt quá giới hạn cho phép/ <i>No non-compliance noted.</i> Xem trang/ <i>See page: 11 - 12</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
4	Điều 4.4: Giới hạn nhiễu không liên tục/ <i>Clause 4.4: Limit for discontinuous disturbance.</i>	Không phát hiện nhiễu vượt quá giới hạn cho phép/ <i>No non-compliance noted.</i> Xem trang/ <i>See page: 13 - 14</i>	Đạt/ <i>Pass</i>

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ <i>DESCRIPTION</i>	KẾT QUẢ/ <i>RESULT</i>	
I	Thông tin về sản phẩm/ <i>Sample specification</i>		
1	Công suất/ <i>Power (W):</i>	10560-11040-11520	
2	Điện áp danh định/ <i>Rated voltage (V):</i>	220-230-240	
3	Tần số danh định/ <i>Rated frequency (Hz):</i>	50-60	
4	Số lượng vùng nấu/ <i>Cooking zone number</i>	6	
5	Chế độ vận hành EUT/ <i>EUT operation:</i>		
	Điện áp thử nghiệm/ <i>Testing voltage (V):</i>	230	
6	Xung nhịp/ <i>Clock frequency (MHz):</i>	< 30	
II	Độ không đảm bảo đo/ <i>Uncertainty of measurements</i>		
	Loại nhiễu/ <i>Emissions types</i>	Tần số/ <i>Frequency</i>	U _{Lab}
1	Điện áp nhiễu đầu nối nguồn lưới/ <i>Main conducted measurement</i>	9 kHz – 150 kHz	± 3.82 dB
2	Điện áp nhiễu đầu nối nguồn lưới/ <i>Main conducted measurement</i>	150 kHz – 30 MHz	± 3.43 dB
3	Công suất nhiễu/ <i>Disturbance power measurement</i>	30 MHz – 300 MHz	± 3.97 dB

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
III	Thiết Bị Thử Nghiệm/ Test Facility And Instrument	
1	Buồng chắn sóng điện từ/ <i>Shielded room</i> : PGL-EMC-SH-01 Hiệu quả chắn nhiễu trong dải tần 9 kHz – 10 GHz/ <i>Shielding effectiveness in the 100 dB level from 9 kHz to 10 GHz</i> : 100 dB	
2	Máy thu nhiễu điện từ/ <i>EMI test receiver</i> : 9010F: 10 Hz – 50 MHz 9030: 30 MHz – 3 GHz	
3	Mạng ổn định trở kháng đường dây/ <i>Line Impedance Stabilization Network</i> : NSLK 8122: 9kHz – 30 MHz	
4	Ăng ten vòng lớn/ <i>Large Loop Antenna</i> : RF-300: 9kHz – 30 MHz (2m)	
5	Máy phân tích nháy/ <i>Click analyzer</i> : CA0010: 150kHz; 500 kHz; 1.4 MHz; 30 MHz	
6	Kẹp hấp thụ/ <i>Absorbing Clamps</i> : MDS 21B: 30 MHz – 1 GHz	
IV	Yêu Cầu Về Điều Kiện Thử Nghiệm/ Test Requirement Conditions	
1	Nhiệt độ môi trường/ <i>Ambient temperature</i> (°C): 15 - 35	25.1
2	Nguồn cung cấp/ <i>Electricity supply</i> :	
	- Điện áp nguồn cung cấp/ <i>Supply voltage</i> (V): + U _{định} / U _{rated} : U _{test} = U _{rated} hoặc/ <i>or</i> U _{test} = 120 V// 230 V (Điện áp thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng/ <i>Supply voltage according to the customer's request</i> : 230 V)	230.00
	- Tần số nguồn cung cấp/ <i>Supply frequency</i> (Hz): + f _{test} = f _{rated} + f _{rated1} : 50 Hz (-/&) f _{rated2} : 60 Hz: f _{test} = 50 Hz	50.00
3	Công suất đầu vào lớn nhất bao gồm cả chế độ tăng thế/ <i>Maximum input power including boost mode</i>	Phù hợp/ <i>Suitable</i>
4	Nồi chuẩn được đổ nước đến khoảng 50% dung tích tối đa/ <i>The standard vessel is filled with tap water to about 50% of its maximum capacity</i>	Phù hợp/ <i>Suitable</i>

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

N/A: Không áp dụng.

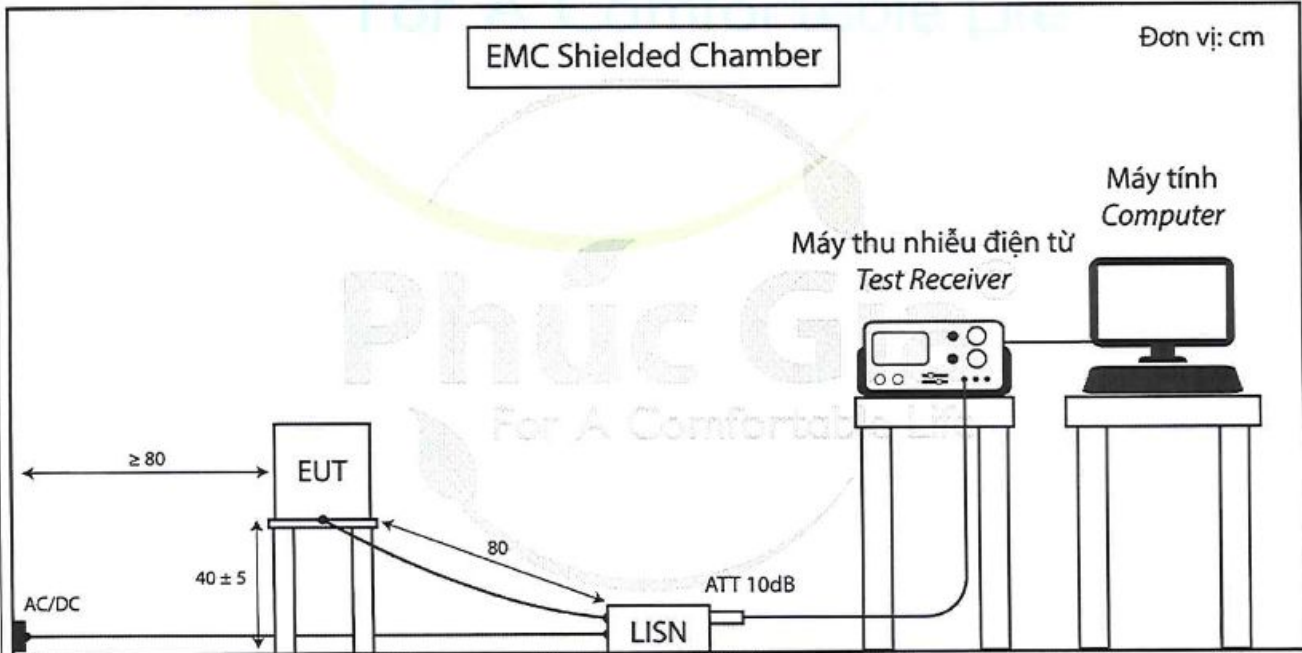
Not applicable

Trang/ Page: 6/ 14

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

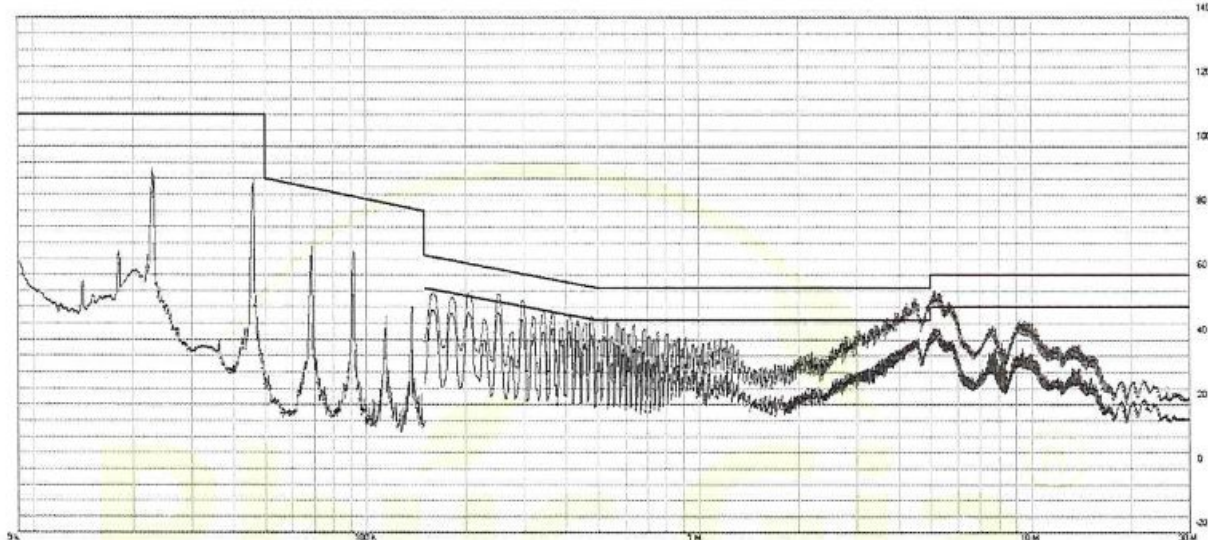
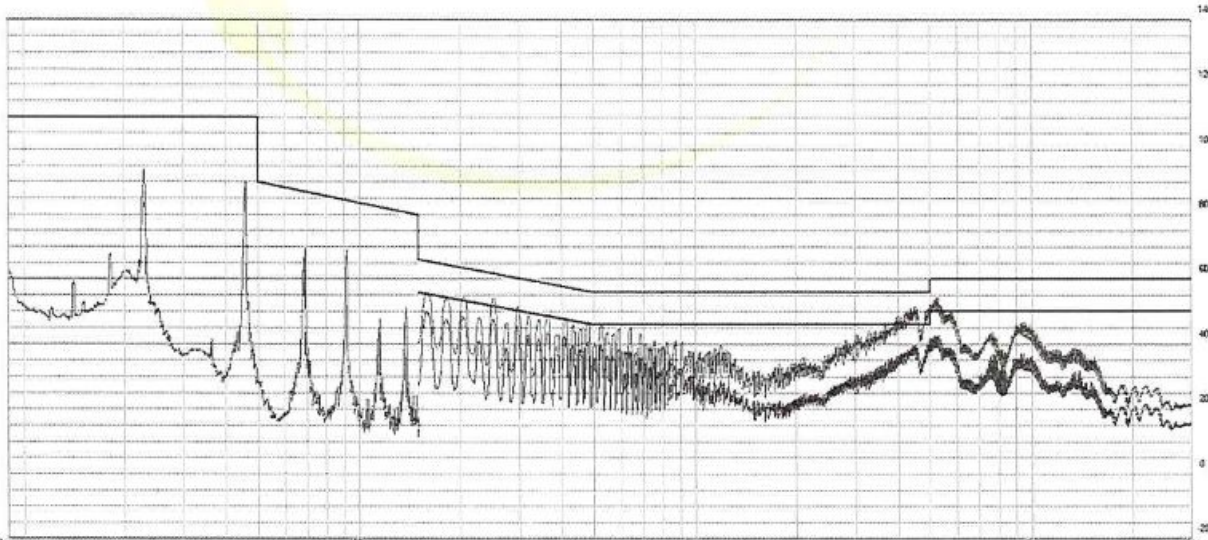
05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
V	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS	
1	Điều 4.3.2: Giới hạn điện áp nhiễu tại đầu nối điện lưới/ Clause 4.3.2: Limit for conducted disturbance at mains terminals.	
1.1	Mô tả thử nghiệm/ Test description:	
	- Thử nghiệm được tiến hành trong buồng chắn nhiễu/ The test was conducted in a shielded room	
	- Thử nghiệm được tiến hành ở dải tần số từ 9 kHz đến 30 MHz/ Test frequency ranges from 9 kHz to 30 MHz	
	- EUT được đặt trên bàn gỗ ở độ cao 0.4 m tính từ sàn/ EUT was placed on a wooden table, at 0.4 m height from the floor level	
	- EUT được nối với nguồn điện lưới qua một mạng ổn định trở kháng đường dây/ Power mains to EUT is stabilized with a Line Impedance Stabilization Network (LISN)	
1.2	Sơ đồ thiết lập thử nghiệm/ Test set-up schema:	
	 The diagram illustrates the test setup within an EMC Shielded Chamber. An EUT (Equipment Under Test) is placed on a wooden table at a height of 40 ± 5 cm. The distance from the EUT to the LISN (Line Impedance Stabilization Network) is ≥ 80 cm. The LISN is connected to the Test Receiver (Máy thu nhiễu điện từ) via a 10dB attenuator (ATT 10dB). The Test Receiver is connected to a Computer (Máý tính). The distance from the EUT to the Test Receiver is 80 cm. The unit is cm.	

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
1.3	Dữ liệu đo/ <i>Measurement data:</i>	
1.3.1	 Nhiều dẫn dây L1/ <i>Conducted Emissions L1</i>	
1.3.2	 Nhiều dẫn dây L2/ <i>Conducted Emissions L2</i>	

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.*

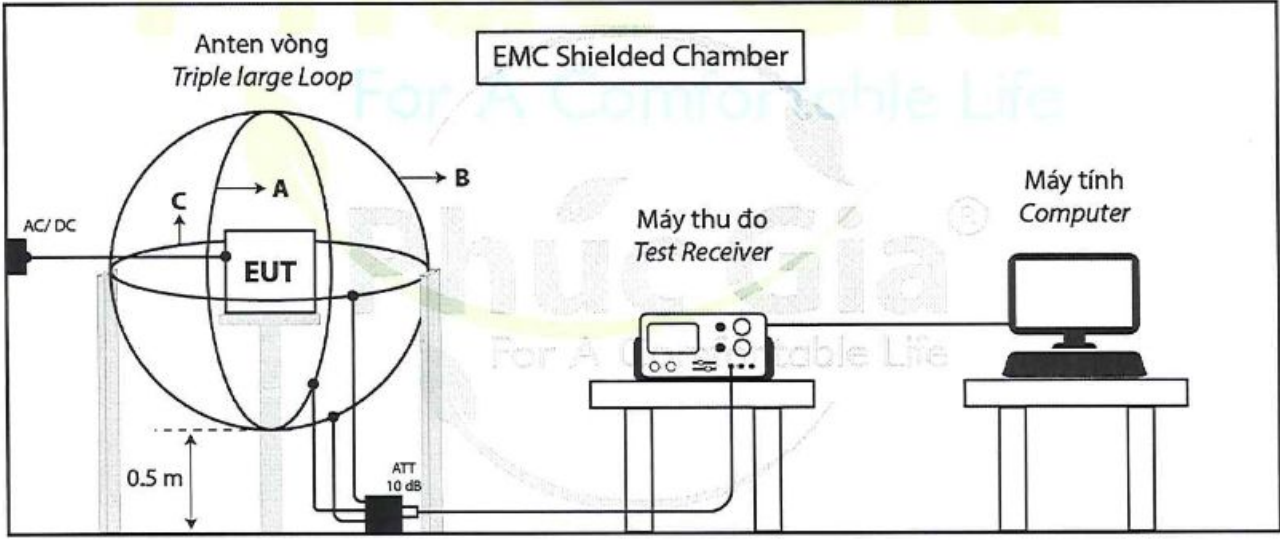
N/A: Không áp dụng.
Not applicable

Trang/ Page: 8/ 14

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

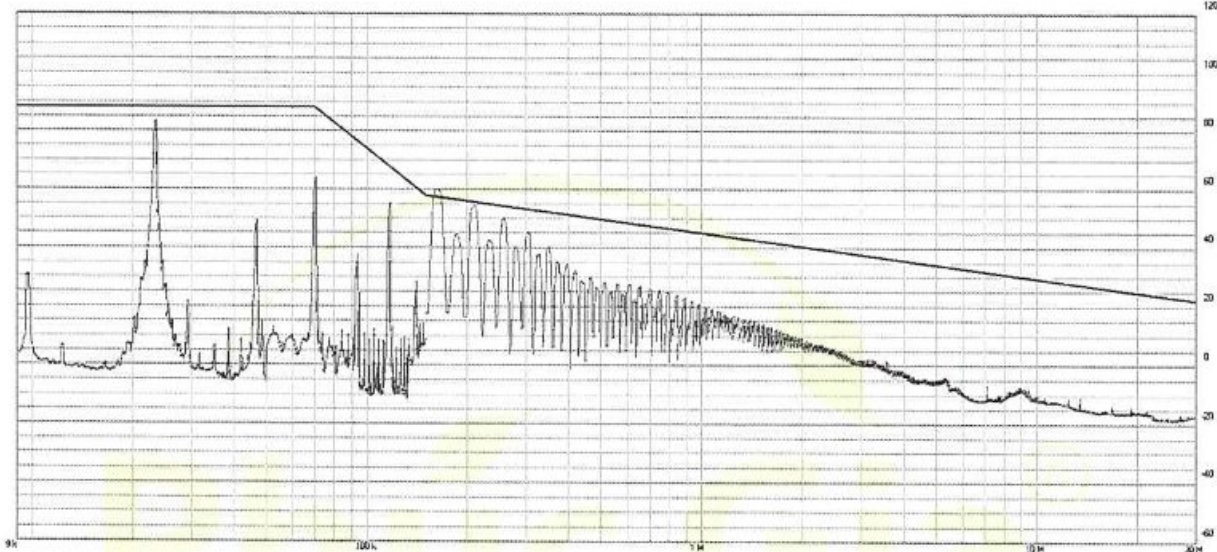
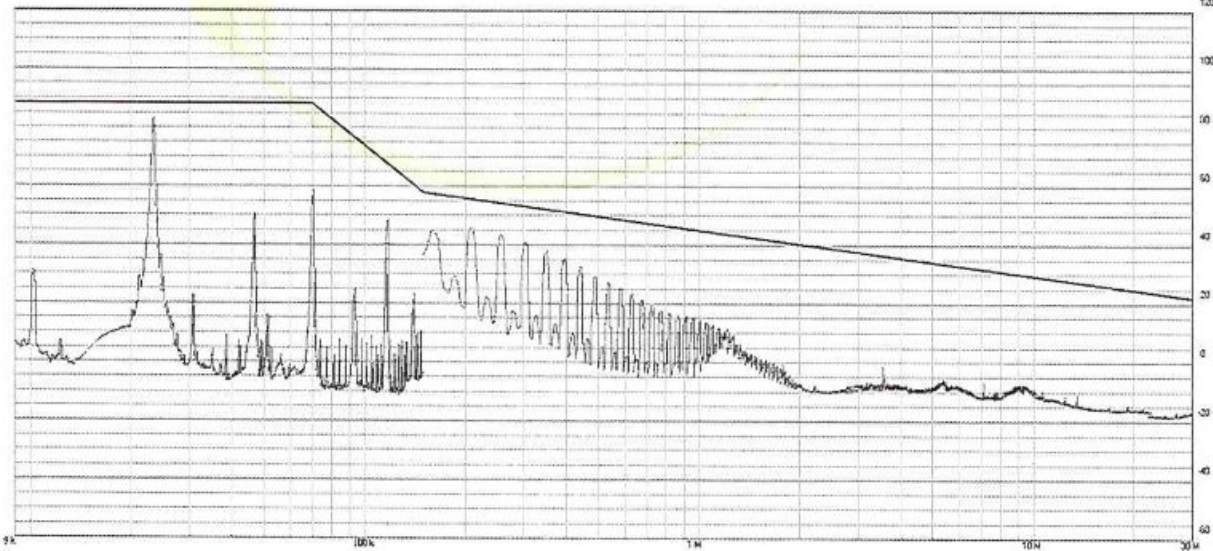
05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
V	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS	
2	Điều 4.3.2: Giới hạn nhiễu bức xạ (9 kHz - 30 MHz)/ Clause 4.3.2: Limit for radiated disturbance (9 kHz - 30 MHz).	
2.1	Mô tả thử nghiệm/ Test description:	
	- Thử nghiệm được tiến hành trong buồng chắn nhiễu/ The test was conducted in a shielded room	
	- Thử nghiệm được tiến hành ở dải tần số từ 9 kHz đến 30 MHz/ Test frequency ranges from 9 kHz to 30 MHz	
	- EUT được đặt trên bàn gỗ ở tâm của ăng ten vòng/ EUT was placed on a wooden table, at central of Large Loop Antenna	
2.2	Sơ đồ thiết lập thử nghiệm/ Test set-up schema:	
		

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
2.3	Dữ liệu đo/ <i>Measurement data:</i>	
2.3.1	 Nhiều bức xạ tựa đỉnh (Hướng A)/ <i>Radiated Emissions Quasi-peak (A Direction)</i>	
2.3.2	 Nhiều bức xạ tựa đỉnh (Hướng B)/ <i>Radiated Emissions Quasi-peak (B Direction)</i>	

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.*

N/A: Không áp dụng.

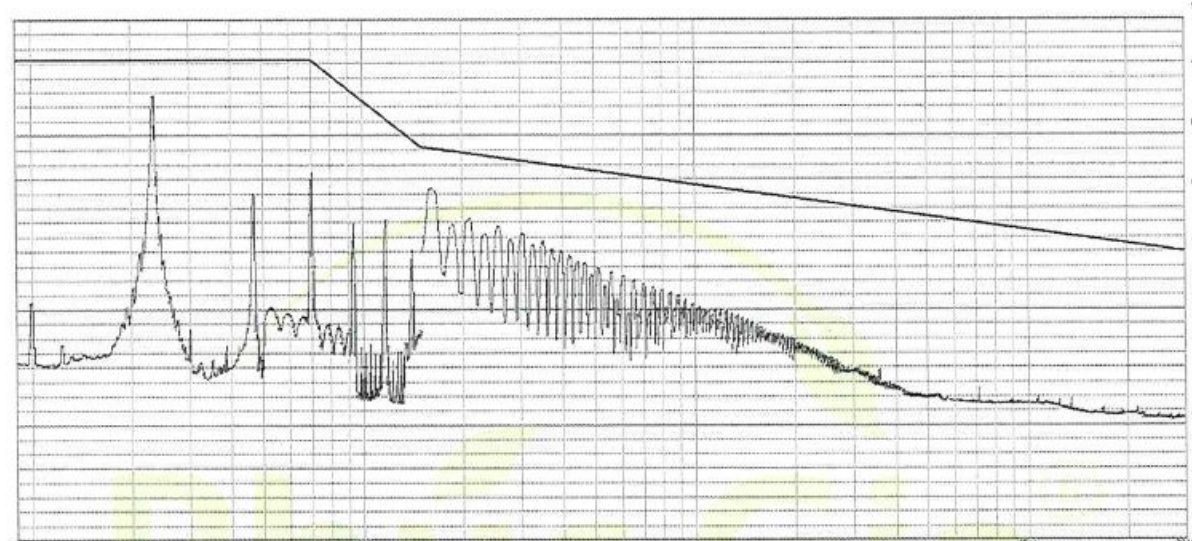
Not applicable

Trang/ Page: 10/ 14

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
2.3	Dữ liệu đo/ <i>Measurement data:</i>	
2.3.3	 Nhiều bức xạ tựa đỉnh (Hướng C)/ <i>Radiated Emissions Quasi-peak (C Direction)</i>	
3	Điều 4.3.4: Giới hạn công suất nhiễu/ <i>Clause 4.3.4: Limit for disturbance Power.</i>	
3.1	Mô tả thử nghiệm/ <i>Test description:</i> - Thử nghiệm được tiến hành trong buồng chắn nhiễu/ <i>The test was conducted in a shielded room</i> - Thử nghiệm được tiến hành ở dải tần số từ 30 MHz đến 300 MHz/ <i>Test frequency ranges from 30 MHz to 300 MHz.</i> * Phương pháp thử nghiệm công suất nhiễu chỉ có thể áp dụng được cho các EUT có tần số xung nhịp thấp hơn hoặc bằng 30 MHz. Trong trường hợp này, sản phẩm được xem là phù hợp với các yêu cầu nằm trong khoảng 300 MHz đến 1000 MHz/ <i>The disturbance Power method can be only applied for EUTs with clock frequencies below or equal to 30 MHz. In such a case, the product is deemed to comply with the requirements between 300 MHz and 1000 MHz.</i> - EUT được đặt trên bàn gỗ ở độ cao 0.8 m tính từ sàn/ <i>EUT was placed on a wooden table, at 0.8 m height from the floor level</i> - Trong quá trình đo nhiễu, dịch chuyển kẹp hấp thụ dọc theo dây dẫn nguồn được kéo đến 6 m để tìm nhiễu cao nhất/ <i>During the measurement process, the absorbing clamp was moving over the power cable extended by 6 m in order to detect highest disturbances from the EUT.</i>	

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
3.2	Sơ đồ thiết lập thử nghiệm/ <i>Test set-up schema</i>: Dây nguồn/ <i>Mains power cable</i>	
3.3	Dữ liệu đo/ <i>Measurement data</i>: Nhiều bức xạ tựa đỉnh/ <i>Radiated Emissions Quasi-peak</i>	

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

Trang/ Page: 12/ 14

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT
V	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS	
4	Điều 4.4: Giới hạn nhiễu không liên tục/ Clause 4.4: Limit for discontinuous disturbance.	
4.1	Mô tả thử nghiệm/ Test description:	
	- Nhiễu không liên tục được đo trên pha trung tính/ Discontinuous disturbance was measured on neutral phase.	
	- Thử nghiệm được tiến hành ở 4 tần số: 150 kHz; 500 kHz; 1.4 MHz và 30 MHz. Test was conducted at 4 frequencies: 150 kHz; 500 kHz; 1.4 MHz and 30 MHz.	
	- EUT được đặt trên bàn gỗ ở độ cao 0.4 m tính từ sàn/ EUT was placed on a wooden table, at 0.4 m height from the floor level	
	- EUT được nối với nguồn điện lưới qua một mạng ổn định trở kháng đường dây/ Power mains to EUT is stabilized with a Line Impedance Stabilization Network (LISN)	
4.2	Sơ đồ thiết lập thử nghiệm/ Test set-up schema:	
	The diagram illustrates the test setup within an EMC Shielded Chamber. An EUT (Equipment Under Test) is placed on a stand at a height of 40 ± 5 cm. It is connected to an AC/DC power source. A LISN (Line Impedance Stabilization Network) is connected between the EUT and the power source, with a distance of ≥ 80 cm indicated. The LISN is also connected to a Test Receiver (Máquina thu nhiễu điện từ) via a cable labeled ATT 10dB. The Test Receiver is connected to a Computer (Máy tính). The distance between the EUT and the Test Receiver is indicated as 80 cm. The entire setup is within an EMC Shielded Chamber. The unit is cm.	

PGL-QC09-E026
-260714.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/08/2026

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT																																																																		
4.3	Dữ liệu đo/ Measurement data:																																																																			
	Click_Att10db-120min Click Report <table><tr><th colspan="11">Lq Calculation</th></tr><tr><th>Frequency MHz</th><th>Limit dBµV</th><th><=10ms</th><th><=20ms</th><th><=0.2s</th><th>From Exception E4</th><th>Other than click ms</th><th>Total Clicks</th><th>Time min.</th><th>N rate</th><th>+Lq dB</th></tr><tr><td>0.15</td><td>66.0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>120.0</td><td>0.0</td><td>Pass E3</td></tr><tr><td>0.50</td><td>56.0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>120.0</td><td>0.0</td><td>Pass E3</td></tr><tr><td>1.40</td><td>56.0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>120.0</td><td>0.0</td><td>Pass E3</td></tr><tr><td>30.00</td><td>60.0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>120.0</td><td>0.0</td><td>Pass E3</td></tr></table>	Lq Calculation											Frequency MHz	Limit dBµV	<=10ms	<=20ms	<=0.2s	From Exception E4	Other than click ms	Total Clicks	Time min.	N rate	+Lq dB	0.15	66.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3	0.50	56.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3	1.40	56.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3	30.00	60.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3	
	Lq Calculation																																																																			
Frequency MHz	Limit dBµV	<=10ms	<=20ms	<=0.2s	From Exception E4	Other than click ms	Total Clicks	Time min.	N rate	+Lq dB																																																										
0.15	66.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3																																																										
0.50	56.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3																																																										
1.40	56.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3																																																										
30.00	60.0	0	0	0	0	0	0	120.0	0.0	Pass E3																																																										
	Giới hạn nhiễu không liên tục/ Limit for discontinuous disturbance.																																																																			

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

N/A: Không áp dụng.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

Not applicable